

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Văn Bằng

Ông Phan Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn Anh Dương Công S, sinh năm 1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

2. Bị đơn chị Dương Thị N, sinh năm 1980

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Dương Công S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Công S kết hôn với chị Dương Thị N vào cuối năm 1998. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 11 tháng 12 năm 1998. Sau khi kết hôn chị N về nhà anh S làm ăn ngay tại thôn L, xã H nay là Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân là do chị N có đi quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, việc chị N có đi quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác bản thân anh đã nhiều lần khuyên bảo và cũng đã nhờ đến họ hàng hai bên khuyên bảo nhưng chị N không nghe. Năm 2017 và năm 2018 chị N đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh nhưng vẫn tiếp tục đi quan hệ với người đàn ông khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay, không ai còn quan tâm, hỏi thăm gì đến nhau. Hiện nay, anh không còn tình cảm vợ chồng với chị N nữa, yêu cầu được ly hôn với chị Dương Thị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 người con chung tên là Dương Thị T, sinh ngày 16/8/1999, Dương Xuân C, sinh ngày 16/11/2005 và Dương Thị Thùy T1, sinh ngày 14/3/2007. Khi ly hôn, anh Dương Công S yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Dương Xuân C và Dương Thị Thùy T1 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai anh S yêu cầu chị Dương Thị N phải cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung là 1.000.000 đồng/tháng, tổng cộng cả hai người con là 2.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Dương Công S có ý kiến không yêu cầu chị Dương Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Dương Thị T hiện nay đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, chị Dương Thị N không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện thôn L, hiện nay là Thôn M, xã H và xác minh tại Công an xã H, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện Thôn M, xã H và Công an xã H đều khẳng định chị Dương Thị N vẫn cư trú tại thôn L, hiện nay là Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị Dương Thị N vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn chị Dương Thị N không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Dương Công S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn anh Dương Công S đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các

tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chị Dương Thị N vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Dương Công S. Về con chung: Giao các con chung tên là Dương Xuân C, sinh ngày 16/11/2005 và Dương Thị Thùy T1, sinh ngày 14/3/2007 cho anh Dương Công S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị Dương Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên là Dương Thị T, sinh ngày 16/8/1999 hiện nay đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết. Về án phí, buộc nguyên đơn anh Dương Công S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Dương Công S khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Dương Thị N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn L, nay là Thôn M, xã H, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn chị Dương Thị N vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị N là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Công S và chị Dương Thị N là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 11/12/1998 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Công S và chị Dương Thị N là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Dương Công S và chị Dương Thị N thấy rằng: Chị Dương Thị N không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến về việc anh Dương Công S có đơn xin ly hôn với chị. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh

Dương Công S yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu về con chung của anh Dương Công S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Do đó, cần giao các con chung là cháu Dương Xuân C, sinh ngày 16/11/2005 và Dương Thị Thùy T1, sinh ngày 14/3/2007 cho anh Dương Công S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đó cũng là nguyện vọng của cháu Dương Xuân C và cháu Dương Thị Thùy T1. Về cấp dưỡng nuôi con, do quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Dương Công S tự nguyện rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu chị Dương Thị N phải cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị Dương Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Dương Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Đối với con chung là cháu Dương Thị T, sinh ngày 16/8/1999 hiện nay đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng, anh Dương Công S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh Dương Công S trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị N vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Dương Công S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Dương Công S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05959 ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Công S được ly hôn với chị Dương Thị N

2. Về con chung: Giao con chung là các cháu Dương Xuân C, sinh ngày 16/11/2005 và Dương Thị Thùy T1, sinh ngày 14/3/2007 cho anh Dương Công S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Dương Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Đối với con chung là cháu Dương Thị T, sinh ngày 16/8/1999 hiện nay đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Dương Công S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Dương Công S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05959 ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Dương Công S có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Dương Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã V, huyện Bắc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc